

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

2. Bà Đoàn Thị Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05B/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Bình N, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Bình N, xã X, thị xã S, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ D (bà D) trình bày: Bà D và ông Phan Thanh T (ông T) tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú

Yên ngày 29/9/2010. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên bà D và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân chủ yếu là do ông T không lo làm ăn, không lo vợ con, thường nhậu say về cãi nhau, đập phá đồ đạc trong nhà, có lần còn đánh bà D. Bà D và ông T đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục xây dựng cuộc sống vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Thanh Bích H- sinh ngày 30/03/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung do bà nuôi dưỡng. Ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phan Thanh Bích H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định trong thời gian sống ly thân, bà D và ông T đều có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà D; bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên đề nghị HĐXX không xem xét. Bà D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Bình N, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D, ông T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 29/9/2010 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà D xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ

chồng sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà D và ông T đều có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Lời trình bày của bà D đúng với thông tin do địa phương cung cấp tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 23/11/2020. Do đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng bà D, ông T không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, cho bà D được ly hôn ông T.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Phan Thanh Bích H- sinh ngày 30/03/2010. Từ thời điểm bà D, ông T sống ly thân cho đến nay, con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Phan Thanh Bích H nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà D không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà Trần Thị Mỹ D được ly hôn ông Phan Thanh Tường.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Thanh Bích H- sinh ngày 30/03/2010. Giao cháu Phan Thanh Bích H- sinh ngày 30/03/2010 cho Bà Trần Thị Mỹ D nuôi dưỡng. Ông Phan Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005040 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Lâm (01);
- Ấn văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên